

Số:

Hải Tây, ngày 04 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO

Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục nhà trường

Căn cứ theo Điều 8 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trường tiểu học Hải Tây báo cáo công khai về điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục nhà trường như sau:

I. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

a) Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: Có 02 vị trí (2 người)

- Hiệu trưởng: 01 người, trình độ đại học, giáo viên tiểu học hạng II.

- Phó Hiệu trưởng: 01 người, trình độ đại học, giáo viên tiểu học hạng II.

b) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành:

- Giáo viên tiểu học: 27 người (20 giáo viên văn hóa, 2 giáo viên Tiếng Anh, 1 giáo viên Mỹ Thuật, 1 giáo viên Âm nhạc, 2 giáo viên Thể chất, 1 giáo viên Tin học). Trong đó trình độ đại học là 23/27 người, giáo viên tiểu học hạng II là 06 người, giáo viên tiểu học hạng III là 21 người.

c) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: có 3 vị trí (3 người)

- Kế toán trung cấp hạng IV: 01 người (ĐH)

- Thư viện viên hạng IV: 01 người (TC)

- Công nghệ thông tin: 01 người (TC)

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- Cán bộ quản lý: 2/2 đạt chuẩn nghề nghiệp loại Tốt, tỷ lệ 100%

- Giáo viên: 27/27 đạt chuẩn nghề nghiệp loại Tốt, tỷ lệ 100%

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

- 32/32 giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành học tập chính trị, nghiệp vụ hè, tỉ lệ 100%.

- 29/29 giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường

xuân, tỉ lệ 100%.

II. Cơ sở vật chất

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Nhà trường có 01 điểm trường
- Trường có tổng diện tích 9.869 m². Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 học sinh 15,7 m² đảm bảo yêu cầu tối thiểu theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học.

2. Số lượng, hạng mục khối hành chính quản trị, khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khu sân chơi, thể dục thể thao

2.1. Khối phòng hành chính, quản trị

- Có 01 phòng Hiệu trưởng với đầy đủ máy móc, thiết bị và phòng theo quy định hiện hành;
- Có 01 phòng Phó Hiệu trưởng với đầy đủ máy móc, thiết bị và phòng theo quy định hiện hành;
- Có 01 phòng Văn phòng với đầy đủ máy móc, thiết bị và phòng theo quy định hiện hành;
- Phòng thường trực (Bảo vệ) đặt gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;
- Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên được bố trí thuận tiện cho sử dụng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, không ảnh hưởng tới môi trường;
- Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: Có mái che và đủ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường.

2.3. Khối phòng học tập

- Tổng số phòng học, phòng bộ môn: 25 phòng
- + Phòng học: 19 phòng (50 m²/phòng)
- + Phòng bộ môn: 6 phòng (60 m²/phòng)

Phòng học được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt;

Phòng học bộ môn Âm nhạc: có 01 phòng;

Phòng học bộ môn Mỹ thuật: có 01 phòng;

Phòng học bộ môn Công nghệ: có 01 phòng;

Phòng học bộ môn Tiếng Anh: có 01 phòng;

Phòng học bộ môn Tin học: có 01 phòng;

Phòng đa chức năng: có 01 phòng.

2.3. Khối hỗ trợ học tập

Trường có 01 thư viện với diện tích 120 m² có tủ sách dùng chung; có các khu chức năng; kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh;

Phòng thiết bị giáo dục: có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường;

Phòng truyền thống: có 01 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị;

Phòng Đoàn đội: có 01 phòng; trang bị đầy đủ thiết bị.

2.4. Khối phụ trợ

Có 01 phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành;

Phòng Y tế trường học: có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, 02 giường bệnh;

Nhà trường bố trí 02 khu để xe học sinh: có mái che, vị trí thuận lợi cho học sinh gần lối ra vào;

Khu vệ sinh học sinh: 02 khu riêng biệt, số lượng thiết bị đảm bảo theo quy định tối thiểu, phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, không làm ảnh hưởng môi trường;

Khuôn viên nhà trường có cổng, hàng rào tường xây ngăn cách với bên ngoài, đảm bảo vững chắc, an toàn, cổng trường kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.

2.5. Khu sân chơi, thể dục thể thao

- Tổng diện tích sân chơi, bãi tập 4087 m² để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân chơi bằng phẳng, có cây xanh bóng mát;

- Trường có 01 nhà đa năng với diện tích 375 m² luyện tập môn cầu lông, bóng bàn, cờ vua, bóng rổ, ... Sân thể dục thể thao đảm bảo an toàn cho học sinh hoạt động.

Nhìn chung cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động giáo dục của nhà trường, đáp ứng thực hiện chương trình GDPT 2028.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Số máy chiếu và ti vi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

- Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn

thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

- Hằng năm có kế hoạch tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học. Thường xuyên tham mưu với Ban lãnh đạo Phòng GD&ĐT đề xuất, kiến nghị kịp thời, xin cấp bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

Khối 1: 4 bộ đồ dùng dạy học môn Toán và 4 bộ đồ dùng dạy học môn Tiếng Việt; 4 bộ chữ học vần biểu diễn, 120 bộ chữ học vần thực hành, 4 bộ đồ dùng học toán biểu diễn, 120 bộ đồ dùng học toán thực hành...

Khối 2: 4 bộ đồ dùng dạy học môn Toán và 4 bộ đồ dùng dạy học môn Tiếng Việt, Mẫu chữ viết trong trường tiểu học 2 bộ, bộ chữ dạy tập viết 40 tờ, cân đĩa 5 kg kèm bộ quả cân 2 bộ...

Khối 3: Bộ chữ dạy tập viết 1 bộ, mẫu chữ viết trong trường tiểu học 1 bộ (8 tờ), bộ chữ viết mẫu tên riêng 1 bộ (31 tờ), bộ toán biểu diễn lớp 3 (bộ toán + bảng ni và bộ thước + com pa) 2 bộ. Bộ toán thực hành lớp 3 (66 bộ) bộ tranh TNXH 1 bộ gồm 5 tờ. Mô hình trái đất quay quanh mặt trời, mặt trăng quay quanh trái đất 1 bộ...

Khối 4: 1 hộp đôi lưu gồm: 2 nửa hộp nhựa, 2 ống thông, 2 đĩa sứ, 2 gong. Hộp thí nghiệm vai trò của ánh sáng + đèn pin 2 pin 3 bộ, nhiệt kế y tế 13 chiếc, bộ toán dùng cho GV lớp 4 (10 chi tiết). Bộ dụng cụ vật liệu cắt, khâu thêu GV 3 bộ, HS 90 bộ. Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật của GV 3 bộ, học sinh 84 bộ. Lược đồ các cuộc kháng chiến 8 tờ...

Khối 5: Thiết bị cho GV hình tròn 1 bộ, thiết bị cho HS 38 bộ. Bộ dụng cụ vật liệu cắt khâu thêu 3 bộ, Bộ lắp ghép mô hình kĩ thuật 25 bộ...

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Sách giáo khoa đảm bảo đủ mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa học tập bằng hình thức mua.

- Sách giáo khoa 302 bản/5 khối lớp; sách nghiệp vụ của giáo viên: 196 bản; sách tham khảo: 1110 bản; sách truyện: 1806 bản; ngoài ra còn có các loại báo, tạp chí như: báo Nam Định, Nhân dân, Lao động, Thiếu nhi dân tộc,...; tranh ảnh bản đồ, băng đĩa dạy môn âm nhạc, Giáo dục thể chất, tiếng Anh, sách giáo dục kỹ năng sống; truyện khổ lớn, sách giáo dục pháp luật; tủ sách Bác Hồ...và các xuất bản phẩm tham khảo phục vụ hoạt động dạy học.

- Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Tài liệu hướng dẫn giáo viên dùng để phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp, nâng cao kiến thức giảng dạy đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường.

- Thư viện có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và học sinh.

III. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Đạt chất lượng trường học cấp độ 2; trường chuẩn quốc gia mức độ 2

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Tháng 8/2023 trường đón bằng công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ II (Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh Nam Định).

- Kiểm định chất lượng mức độ 3 vào tháng 8/2023 (Quyết định số 1072/QĐ-SGDĐT ngày 25/8/2023 của Sở GDĐT tỉnh Nam Định).

- Tháng 8/2023 nhà trường đón bằng trường đạt chuẩn “ Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn” (Quyết định số 1074/QĐ-SGDĐT ngày 25/8/2023 của SGDĐT Nam Định).

IV. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây

1. Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp

Áp dụng tích hợp Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới như: Áp dụng mô hình trường Tiểu học mới (VNEN) trong quá trình dạy học (hoạt động khởi động, chia sẻ kiến thức, nội dung); Áp dụng phương pháp dạy học Đan Mạch trong dạy học môn Mỹ thuật; dạy học Mizuno Hexathlon trong môn Giáo dục thể chất, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, giáo dục Stem,...

2. Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục

3. Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng Việt; Tiếng Anh

Trên đây là báo cáo công khai điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục nhà trường của trường tiểu học Hải Tây./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Hải Hậu;
- Công khai trên website;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Lụa